

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CÁI BÈ
TỈNH TIỀN GIANG**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 77/2022/DS-ST

Ngày: 09-6-2022

V/v Tranh chấp "Hợp đồng góp hụi"

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CÁI BÈ, TỈNH TIỀN GIANG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Diễm

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Huỳnh Văn Dũng

2. Ông Quách Trung Sơn

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thị Kim Liêu – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Cái Bè, tỉnh Tiền Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cái Bè, tỉnh Tiền Giang tham gia phiên tòa: Bà Mai Thị Út – Kiểm sát viên.

Ngày 09 tháng 6 năm 2022 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Cái Bè, tỉnh Tiền Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 254/2021/TLST-DS ngày 22/10/2021 về tranh chấp “Hợp đồng góp hụi” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 70/2022/QĐXXST-DS ngày 22 tháng 4 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 75/2022/QĐST-DS ngày 20 tháng 5 năm 2022, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ông **Nguyễn Văn H**, sinh năm 1952.

Địa chỉ: Ấp M, xã H, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

2. Bị đơn: Ông **Lê Văn Đ**, sinh năm 1960.

Bà **Hứa Thị Hồng C**, sinh năm 1962.

Cùng địa chỉ: Ấp H, xã H, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

(Ông H có mặt, ông Đ và bà C vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, Tờ tự khai và ý kiến trình bày tại Tòa nguyên đơn ông Nguyễn Văn H trình bày: Nguyên từ năm 2015-2017 ông có hợp đồng góp hụi với vợ chồng ông Đ và bà C số tiền gồm:

- Dây hụi mùa số tiền 5.000.000đồng, 04 tháng khui 01 lần, khui ngày 16/8/2015 âm lịch, có 13 hụi viên, do bà C, ông Đ làm chủ thảo. Ông tham gia 02 phần (đã hốt 01 phần), hụi mãn ngày 16/9/2019 âm lịch. Từ ngày khui hụi đến ngày bẻ hụi (tháng 12 năm 2018 âm lịch) ông đã đóng được 10 lần x 5.000.000đồng = 50.000.000đồng. Sau khi khấu trừ (phần hụi chết ông nợ bà C và ông Đ là 2 kỳ là 10.000.000đồng) ông Đ, bà C còn nợ lại ông 40.000.000đồng khi khui hụi có ông Đ tham gia. Trong danh sách hụi viên ghi tên ông là H.

- Dây hụi mùa số tiền 3.000.000đồng, 04 tháng khui 01 lần, khui ngày 08/5/2017 âm lịch, có 18 hụi viên, do bà C, ông Đ làm chủ thảo. Ông tham gia 01 phần, hụi mãn ngày 08/5/2023 âm lịch. Từ ngày khui hụi đến ngày bẻ hụi (tháng 12 năm 2018 âm lịch) ông đã đóng được 06 lần x 3.000.000đồng = 18.000.000đồng, khi khui hụi có ông Đ tham gia. Trong danh sách hụi viên ghi tên ông là H. Cộng chung hai dây hụi là 58.000.000đồng. Ông có đến

nhà đòi nhiều lần nhưng đến nay vợ chồng ông Đ và bà C vẫn chưa trả đủ số tiền nêu trên lại cho ông, do đó quyền lợi của ông bị xâm phạm.

Nay ông H khởi kiện yêu cầu ông Lê Văn Đ và bà Hứa Thị Hồng C phải liên đới trả cho ông số tiền nợ hui là 58.000.000đồng.

Bị đơn ông Lê Văn Đ và bà Hứa Thị Hồng C đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng ông Đ và bà C không cung cấp ý kiến, lời khai đối với vụ kiện.

Tại phiên tòa:

- Nguyên đơn ông Nguyễn Văn H yêu cầu ông Lê Văn Đ và bà Hứa Thị Hồng C phải liên đới trả cho ông số tiền nợ hui tổng cộng là 58.000.000đồng.

- Bị đơn ông Lê Văn Đ và bà Hứa Thị Hồng C vắng mặt tại phiên tòa.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa:

- Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử vụ án, Thư ký phiên tòa trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án:

+ Việc tuân theo pháp luật trong thời gian chuẩn bị xét xử: Đã tuân theo đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

+ Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử, Thư ký tại phiên tòa: Hội đồng xét xử, Thư ký đã tuân theo đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về việc xét xử sơ thẩm vụ án.

- Việc tuân theo pháp luật tố tụng của người tham gia tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án: Nguyên đơn tham gia tố tụng đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng. Riêng các bị đơn vắng mặt không đảm bảo theo quy định tại Điều 70 Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về quan điểm giải quyết vụ án: Qua xem xét đánh giá các chứng cứ thể hiện trong hồ sơ vụ án cũng như lời trình bày của đương sự tại phiên tòa, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Nguyễn Văn H buộc bị đơn ông Lê Văn Đ và bà Hứa Thị Hồng C phải có trách nhiệm liên đới trả cho ông Nguyễn Văn H số tiền nợ hui tổng cộng là 58.000.000đồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

- Đối với bị đơn ông Lê Văn Đ và bà Hứa Thị Hồng C đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vắng mặt không lý do, căn cứ khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vắng mặt ông Đ và bà C là phù hợp theo quy định của pháp luật.

- Tranh chấp giữa ông Nguyễn Văn H với ông Lê Văn Đ và bà Hứa Thị Hồng C là tranh chấp “Hợp đồng góp hui”.

[2] Về nội dung vụ án:

Nguyên đơn ông H trình bày: Nguyên từ năm 2015-2017 ông có hợp đồng góp hui với vợ chồng ông Đ và bà C số tiền gồm:

- Dây hui mùa số tiền 5.000.000đồng, 04 tháng khai 01 lần, khai ngày 16/8/2015 âm lịch, có 13 hui viên, do bà C, ông Đ làm chủ thảo. Ông tham gia 02 phần (đã hót 01 phần), hui mần ngày 16/9/2019 âm lịch. Từ ngày khai hui đến ngày bẻ hui (tháng 12 năm 2018 âm lịch) ông đã đóng được 10 lần x 5.000.000đồng = 50.000.000đồng. Sau khi khấu trừ (phần hui chết ông nợ bà C và ông Đ là 2 kỳ là 10.000.000đồng) ông Đ, bà C còn nợ lại ông 40.000.000đồng khi khai hui có ông Đ tham gia. Trong danh sách hui viên ghi tên ông là H.

- Dây hui mùa số tiền 3.000.000đồng, 04 tháng khai 01 lần, khai ngày 08/5/2017 âm lịch, có 18 hui viên, do bà C, ông Đ làm chủ thảo. Ông tham gia 01 phần, hui mần ngày 08/5/2023 âm

lich. Từ ngày khai hội đến ngày bế hội (tháng 12 năm 2018 âm lịch) ông đã đóng được 06 lần x 3.000.000đồng = 18.000.000đồng, khi khai hội có ông Đ tham gia. Trong danh sách hội viên ghi tên ông là H. Cộng chung hai dây hội là 58.000.000đồng. Ông có đến nhà đòi nhiều lần nhưng đến nay vợ chồng ông Đ và bà C vẫn chưa trả đủ số tiền nêu trên lại cho ông, do đó quyền lợi của ông bị xâm phạm. Nên ông H khởi kiện yêu cầu ông Đ và bà C phải liên đới trả tiền 02 dây hội tổng cộng là 58.000.000đồng. Tại phiên tòa hôm nay ông H yêu cầu ông Đ và bà C phải liên đới trả tiền 02 dây hội tổng cộng là 58.000.000đồng. Kèm theo đơn khởi kiện ông H cung cấp cho Tòa án 02 danh sách hội viên. Còn bị đơn ông Đ và bà C vắng mặt không lý do và ông Đ và bà C cũng không có ý kiến gì về việc vắng mặt của mình và cũng không có ý kiến gì đối với yêu cầu khởi kiện của ông H mặc dù được Tòa án đã tổng đạt hợp lệ cho ông Đ và bà C Thông báo thụ lý vụ án về yêu cầu khởi kiện đòi tiền nợ hội của ông H và triệu tập hợp lệ ông Đ và bà C đến Tòa án để giải quyết vụ án nhiều lần. Như vậy xem như ông Đ và bà C từ bỏ quyền và nghĩa vụ của mình đối với yêu cầu khởi kiện của ông H. Mặt khác, trong quá trình giải quyết vụ án ông H làm đơn yêu cầu Tòa án ghi lời khai người làm chứng là những người tham gia dây hội cùng với ông H. Tòa án tiến hành ghi lời khai của bà Trần Thị N và bà Huỳnh Thị N. Bà N và bà N cùng xác định ông H có tham gia chơi hội và hốt hội đối với 02 dây hội do ông Đ và bà C làm đầu thảo. Do đó, Hội đồng xét xử có đủ căn cứ xác định là ông H có tham gia chơi 02 dây hội do ông Đ và bà C làm đầu thảo và hiện ông Đ và bà C còn nợ ông H với số tiền tổng cộng là 58.000.000đồng là có căn cứ và phù hợp với các chứng cứ có trong hồ sơ vụ án.

Về trách nhiệm trả nợ: Căn cứ vào công văn số 28/UBND-CV ngày 25/02/2022 do Ủy ban nhân dân xã H, huyện C, tỉnh Tiền Giang cung cấp thì ông Lê Văn Đ và bà Hứa Thị Hồng C chung sống như vợ chồng vào năm 1982 đến nay. Căn cứ vào Nghị quyết số 35/2000/NQ-QH10 ngày 09/6/2000 của Quốc hội về việc thi hành Luật hôn nhân và gia đình, Nghị định số 123/2015/NĐ-CP ngày 15/11/2015 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật hộ tịch và Luật Hôn nhân và gia đình thì mặc dù ông Đ và bà C không có đăng ký kết hôn nhưng cả hai đã chung sống như vợ chồng trước ngày 03/01/1987 nên ông Đ và bà C vẫn được công nhận quan hệ hôn nhân nên Hội đồng xét xử cần buộc ông Lê Văn Đ và bà Hứa Thị Hồng C phải có trách nhiệm liên đới trả cho ông Nguyễn Văn H số tiền nợ hội là 58.000.000đồng.

[3] Về án phí: Do chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông H, nên bị đơn ông Đ và bà C phải liên đới chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định pháp luật.

[4] Quan điểm giải quyết vụ án của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào các Điều 26, 35, 235, 266, 267, 271 và 273; Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Căn cứ vào khoản 2 Điều 227; Khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Căn cứ vào Điều 357, khoản 2 Điều 468 và 471 Bộ luật dân sự.

- Căn cứ vào Điều 27 Luật hôn nhân và gia đình.

- Căn cứ vào Nghị quyết số 35/2000/NQ-QH10 ngày 09/6/2000 của Quốc hội về việc thi hành Luật hôn nhân và gia đình.

- Căn cứ vào Nghị định số 123/2015/NĐ-CP ngày 15/11/2015 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật hộ tịch.

- Căn cứ vào Điều 26 và 27 Nghị định 19/2019/NĐ-CP ngày 19/02/2019 của Chính phủ về họ, hội, biểu, phường.

- Căn cứ vào Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn H.

Buộc ông Lê Văn Đ và bà Hứa Thị Hồng C phải có trách nhiệm liên đới trả cho ông Nguyễn Văn H số tiền hui còn nợ là 58.000.000đồng.

Kể từ ngày ông Nguyễn Văn H có đơn yêu cầu thi hành án nếu ông Lê Văn Đ và bà Hứa Thị Hồng C chậm thực hiện nghĩa vụ trả nợ thì hàng tháng còn phải chịu thêm tiền lãi chậm trả theo mức lãi suất được quy định tại Điều 357 và khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự.

2. Về án phí:

Ông Lê Văn Đ và bà Hứa Thị Hồng C liên đới chịu 2.900.000đồng án phí dân sự sơ thẩm.

3. Về quyền kháng cáo: Ông Nguyễn Văn H được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Ông Lê Văn Đ và bà Hứa Thị Hồng C có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ khi Tòa án tổng đạt hợp lệ bản án theo quy định pháp luật để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang xét xử phúc thẩm.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành bản án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Tiền Giang;
- VKSND huyện Cái Bè;
- Chi cục THADS huyện Cái Bè;
- Các đương sự;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Thị Diễm

